

Bản án số: 267/2023/HC-PT

Ngày: 25 - 04 - 2023

*V/v khiếu kiện Quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất  
đai và Quyết định giải quyết khiếu nại.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tiến;  
*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Tuyền;  
Bà Đặng Thị Thơm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, và điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh T, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử trực tuyến, phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 41/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2023, về việc “khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2022/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3946/2023/QĐPT-HC ngày 10/4/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

\* *Người khởi kiện:* Ông **Nguyễn Văn H** - Sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T, có mặt.

\* *Người bị kiện:*

**1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.**

*Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T:* Ông **Lại Văn H** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T:*

- Bà Nguyễn Thị Bích T- Có mặt.

Giám đốc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T.

- Ông Nguyễn Tiến S- Vắng mặt.

Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T.

- Ông Đào Quang N- Có mặt.

Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T.

- Ông Vũ Ngọc T- Có mặt.

Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T.

**2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.**

*Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T: Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.*

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**3/ Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.**

*Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Gia Đ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.*

*Đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố T: Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.*

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Ủy ban nhân dân thành phố T: Ông Phạm Đình T - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.*

Có mặt.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lê Thị M - Sinh năm 1965.

- Chị Nguyễn Thị Đ - Sinh năm 1988.

- Anh Nguyễn Bá H - Sinh năm 1984.

Đều trú tại địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T.

*(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Người khởi kiện - ông Nguyễn Văn H trình bày: Hộ gia đình ông gồm có ông là Nguyễn Văn H, vợ ông bà Lê Thị M và các con Nguyễn Bá H, Nguyễn Thị Đ. Hộ gia đình ông được chia tiêu chuẩn ruộng 04 khẩu gồm ông, vợ và hai con diện tích 1.728m<sup>2</sup>. Tất cả diện tích ruộng của gia đình đều được chia ở ngoài đồng và không phân định rõ của từng người.*

Ngày 5/8/2016, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND thu hồi 280.924,3m<sup>2</sup> đất thuộc địa giới hành chính xã V và phường P, thành phố T. Gia đình ông bị thu hồi 1.267m<sup>2</sup> (3,52 sào) tại thửa 589, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.168m<sup>2</sup> và thửa 599, tờ bản đồ số 01 diện tích 99m<sup>2</sup> địa chỉ thôn P, xã V, thành phố T. Số ruộng Nhà nước thu hồi là tiêu chuẩn ruộng của cả hộ gia đình ông. Theo PHƯƠNG án bồi thường của UBND thành phố T gia đình ông được bồi thường, hỗ trợ 269.371.400 đồng tương đương 69.000.000 đồng/sào. Thực tế gia đình ông được nhận tổng số tiền tương đương 140.000.000 đồng/sào. Số tiền bồi thường trị giá đất còn không có tài sản xây dựng và cây cối, hoa màu trên đất. Ông nhận số tiền bồi thường vào khoảng tháng 6/2018. Theo Thông báo thu hồi đất, ông được biết UBND thành phố T sử dụng đất của gia đình ông vào mục đích phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, sau khi thu hồi đất, UBND thành

phố T giao cho Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu T thực hiện dự án với tên gọi “Khu đô thị mới xã V, thành phố T” trong khi tại Danh mục các công trình dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh T (Ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TLQLĐĐ ngày 27/4/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh T), dự án tại xã V, thành phố T là “Dự án khu đô thị, tH mại dịch vụ”.

Quá trình thực hiện, Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu T đã thực hiện phân lô, bán nền khu đất dự án. Căn cứ quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, dự án Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu T thực hiện không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp Doanh nghiệp phải tự thỏa thuận, thương lượng với người dân trên cơ sở giao dịch dân sự quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013. Mặt khác, quá trình thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư do UBND thành phố T thực hiện tồn tại nhiều sai phạm, số tiền bồi thường chi trả cho các hộ dân được áp dụng nhiều mức giá khác nhau, ông và các hộ gia đình đã có ý kiến với UBND xã và chính quyền thôn nhưng UBND xã và cán bộ thôn ép gia đình ông buộc phải nhận số tiền bồi thường. Khoảng đầu năm 2019, còn lại 40 hộ gia đình không đồng ý giao đất và nhận tiền bồi thường theo phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố thì các hộ này được bồi thường tiền thu hồi ruộng cao nhất là 175.000.000 đồng/sào. Do thấy việc bồi thường thu hồi ruộng của mọi người khác nhau, những người chấp hành giao ruộng sớm thì được bồi thường thấp, những người không chấp hành thì được bồi thường cao.

Chính vì vậy, ông và 200 hộ gia đình cùng làm đơn khiếu nại gửi UBND thành phố T đề nghị xem xét lại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T về Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND giải quyết không chấp nhận khiếu nại của ông và các hộ gia đình đối với Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T về PHƯƠNG án bồi thường giải phóng mặt bằng. Không nhất trí với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T ông và các hộ gia đình tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh T. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T. Việc Chủ tịch UBND thành phố T và Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 3272 và Quyết định số 520 đã ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông và các hộ gia đình tại thôn P và thôn P, vị trí ruộng của chúng ông như nhau, gia đình ông chấp hành theo quy định của Nhà nước thì được bồi thường số tiền thấp còn các hộ gia đình không chấp hành thì lại được bồi thường số tiền cao, các hộ gia đình nhận tiền sau không đúng với số tiền bồi thường trong PHƯƠNG án hỗ trợ giải phóng mặt bằng do UBND thành phố quyết định.

Vì vậy, ông khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt PHƯƠNG án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt

bằng.

- Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T, bà Đặng Thị B (Mai), ông Hoàng Hải H, bà Hoàng Thị T đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P, thôn P, xã V thành phố T (lần đầu).

- Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P, thôn P, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3271/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

*\* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:*

1. Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt PHƯƠNG án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng: Dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T đã được UBND tỉnh T phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 và được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013. UBND tỉnh T có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh T có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Căn cứ quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh T về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt PHƯƠNG án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và các Quyết định: số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, số 5458/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 phê duyệt PHƯƠNG án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án (trong đó có hộ ông Nguyễn Văn H) là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền quy định.

2. Về trình tự, thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: Ngày 05/8/2016, UBND thành phố T ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. UBND thành phố T đã ban hành các thông báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định. Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND xã V, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi họp để triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án; trong đó: đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng. Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án, kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND xã V, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND thành phố T đã ban hành các Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, số 5484/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 3/7/2019) theo quy định. Các Quyết định thu hồi đất được gửi tới các hộ dân. PHƯƠNG án bồi thường, hỗ trợ được thực hiện lập, phê duyệt theo đúng đơn giá quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh T và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án và được thực hiện niêm yết công khai theo quy định. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã phối hợp với UBND xã V thông báo và tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân (trong đó có hộ ông Nguyễn Văn H) theo đúng phương án được phê duyệt.

3. Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình cá nhân có đất nông nghiệp tại xã có đất bị thu hồi từ 1.093 m<sup>2</sup> trở lên: Thực hiện Văn bản số 3089/UBND-KTTNMT ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh T về hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố T, UBND Thành phố đã có Quyết định số 3562/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 phê duyệt phương án hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V và thực hiện chi trả tiền theo quy định (trong đó có hộ ông Nguyễn Văn H).

4. Về việc thay đổi tên dự án: Tại số thứ tự 154, danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh T ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển mục đích trồng lúa trên địa bàn tỉnh T (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại Văn bản số 1489/TTg-KNT ngày 29/3/2013) tên dự án, công trình là dự án “Khu đô thị, tH mại, dịch vụ xã V, thành phố T” tổng diện tích 31ha, trong đó đất trồng lúa 25,7ha. Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh T về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư V, thành phố T dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31ha. Về thực chất “Khu đô thị, tH mại, dịch vụ xã V, thành phố T” hay “Khu dân cư V, thành phố T” đều là một dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T”, vì dự án cùng một vị trí, địa điểm, diện tích và tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ có nêu Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh T.

5. Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND Thành phố: Không nhất trí với đơn giá bồi thường, hỗ trợ một số hộ dân có đất thu hồi tại dự án có đơn khiếu nại gửi UBND Thành phố. Theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố T, bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn P, thôn P, xã V khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số

2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt PHƯƠNG án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” với lý do Quyết định về việc phê duyệt PHƯƠNG án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được ban hành trái thẩm quyền. Việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vi phạm khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Quy trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng không được công khai, minh bạch, không rõ ràng là dự án Nhà nước thu hồi đất hay tư nhân thu hồi đất.

Xem xét giải quyết khiếu nại của các hộ dân, ngày 03/7/2020, UBND thành phố T có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại. Ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn P, thôn P, xã V. Ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố T giải quyết khiếu nại. Ngày 13/8/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ký ban hành Quyết định số 1842/QĐ-UBND gia hạn thời gian giải quyết khiếu nại, thời gian gia hạn giải quyết khiếu nại là 15 ngày làm việc, kể từ ngày 13/8/2020. Ngày 08/9/2020, Đoàn xác minh theo Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 đã phối hợp với các đơn vị liên quan làm việc và lập Biên bản đối thoại với bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn P, thôn P, xã V về nội dung giải quyết khiếu nại. Ngày 30/6/2020, Đoàn xác minh có Báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn P, thôn P, xã V. Ngày 17/9/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố T (theo Quyết định ủy quyền số 2323/QĐ-UBND ngày 09/7/2020) đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn P, thôn P, xã V và kết luận giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T về việc phê duyệt PHƯƠNG án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng “Khu dân cư mới xã V, thành phố T”.

Việc giải quyết khiếu nại vụ việc nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố T là đảm bảo quy định của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Vì các căn cứ nêu trên, Chủ tịch UBND thành phố T, UBND thành phố T khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu nại liên quan đến đất thu hồi tại dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, một số công dân xã V khiếu kiện các Quyết định hành chính

của UBND thành phố T, UBND tỉnh T là không có căn cứ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh T xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày:*

1. Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần hai): Chủ tịch UBND dân tỉnh T thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai) của các công dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai): Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh T thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T xác minh nội dung khiếu nại. Tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai). Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) nêu trên bảo đảm theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

3. Về nội dung trong đơn khiếu nại của các công dân: Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn P, thôn P, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh đã giải quyết, làm rõ các nội dung trong đơn khiếu nại của các công dân, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về nội dung “*Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại, cụ thể. Thời gian giải quyết khiếu nại vượt 30 ngày so với quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011*”.

Trong Quyết định số 520/QĐ-UBND đã nhận định đây là khiếu nại đúng. Tuy nhiên, tồn tại, hạn chế về thời gian giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T không thay đổi bản chất vụ việc và quyền lợi của người dân về các chế độ, chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, về nội dung “*Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T bác toàn bộ nội dung khiếu nại (lần đầu) của công dân, giữ nguyên các quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu đô thị mới xã V là không phù hợp với quy định của pháp luật;*

- *Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 chưa giải quyết chính sách an sinh cho các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp từ 1.093 m<sup>2</sup> trở lên;*

- *Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 chưa làm rõ hình thức đầu tư BT của dự án khu dân cư mới xã V”.*

Trong Quyết định số 520/QĐ-UBND đã nhận định đây là khiếu nại sai, vì các lý do sau:

- Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng: Dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh đưa vào danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, chấp thuận chủ đầu tư theo quy định. Ủy ban nhân dân thành phố T được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện thu hồi đất, phê duyệt PHƯƠNG án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” là phù hợp với quy định tại Luật Đất đai năm 2013.

- Về trình tự, thủ tục thu hồi đất, phê duyệt PHƯƠNG án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án: UBND thành phố T thực hiện thu hồi đất, lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” đảm bảo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

- Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình cá nhân có đất nông nghiệp tại xã có đất bị thu hồi từ 1.093 m<sup>2</sup> trở lên: UBND thành phố T đã lập, phê duyệt và thực hiện chi trả tiền hỗ trợ khác cho các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp tại xã bị thu hồi từ 1.093 m<sup>2</sup> trở lên theo đúng Văn bản số 3089/UBND-KTTNMT ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh T.

Như vậy, việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã V, thành phố T, tỉnh T của Chủ tịch UBND tỉnh T bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc các công dân xã V, thành phố T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là không có cơ sở. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

*\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M, anh Nguyễn Bá H, chị Nguyễn Thị Đ trình bày:* Hộ gia đình ông H gồm có ông Nguyễn Văn H, vợ Lê Thị M và các con Nguyễn Bá H, Nguyễn Thị Đ. Hộ gia đình ông H được chia tiêu chuẩn ruộng 04 khẩu gồm ông H, vợ và hai con diện tích khoảng 1.728 m<sup>2</sup>. Tất cả diện tích ruộng của gia đình đều được chia ở ngoài đồng và không phân định rõ của từng người. Ngày 5/8/2016, UBND thành phố T ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND thu hồi 280.924,3m<sup>2</sup> đất thuộc địa giới hành chính xã V và phường P, thành phố T. Gia đình ông H bị thu hồi 1.267m<sup>2</sup> (3,52 sào) tại thửa 589, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.168m<sup>2</sup> và thửa 599, tờ bản đồ số 01 diện tích 99m<sup>2</sup> địa chỉ thôn P, xã V, thành phố T. Số ruộng Nhà nước thu hồi là tiêu chuẩn ruộng của cả hộ gia đình ông H. Theo phương án bồi thường của UBND thành phố T



gia đình ông H được bồi thường, hỗ trợ 269.371.400 đồng tương đương 69.000.000 đồng/sào. Thực tế gia đình ông H được nhận số tiền bồi thường tương đương 140.000.000 đồng/sào. Số tiền bồi thường trị giá đất còn không có tài sản xây dựng và cây cối, hoa màu trên đất. Quá trình thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư do UBND thành phố T thực hiện tồn tại nhiều sai phạm, số tiền bồi thường chi trả cho các hộ dân được áp dụng nhiều mức giá khác nhau, ông H đã có ý kiến với UBND xã và chính quyền thôn nhưng UBND xã và cán bộ thôn ép gia đình phải nhận số tiền bồi thường. Khoảng đầu năm 2019, còn lại 40 hộ gia đình không đồng ý giao đất và nhận tiền bồi thường theo PHƯƠNG án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố thì các hộ này được bồi thường tiền thu hồi ruộng cao nhất là 175.000.000 đồng/sào. Do thấy việc bồi thường thu hồi ruộng của mọi người khác nhau, những người chấp hành giao ruộng sớm thì được bồi thường thấp, những người không chấp hành thì được bồi thường cao đã ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông H, vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Tại bản án sơ thẩm số 181/2022/HC-ST ngày 21/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; Điều 158, Điều 164; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ các Điều 62, 66, 69, 75, 77, 83, 84, 88, 89, 90, 93, 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ các Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc:**

1.1 Yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt PHƯƠNG án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T;

1.2 Yêu cầu hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T, bà Đặng Thị B (Mai), ông Hoàng Hải H, bà Hoàng Thị T đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P, thôn P, xã V, thành phố T (lần đầu);

1.3 Yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P, thôn P, xã V, thành phố T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/10/2022, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H trình bày: ông giữ nguyên các ý kiến đã gửi Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông và huỷ các Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T; Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần 1) và Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật và đơn kháng cáo của người khởi kiện là hợp lệ trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các Bn tại phiên tòa phúc thẩm đã khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

#### **[1]. Về tố tụng:**

**[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T, Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T, căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

**[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:** Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với khiếu nại của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn P, thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T. Ngày 10/5/2021, ông Nguyễn Văn H nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H được gửi trong thời hiệu quy định pháp luật.

**[1.3]** Kháng cáo của ông Nguyễn Văn H trong hạn luật định, hình thức, nội dung phù hợp với quy định, do vậy được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.4] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, xét xử vắng mặt họ.

**[2] Về nội dung:**

**[2.1] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 1/12/2016 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB:**

***[2.1.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:***

- Về thẩm quyền: Dự án khu dân cư xã V, thành phố T được UBND tỉnh T phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012; được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013; UBND tỉnh T có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án; Hội đồng nhân dân tỉnh T có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Như vậy, dự án khu dân cư mới xã V thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Khu vực thu hồi đất để thực hiện dự án có cả đất công ích của xã V và đất của hộ gia đình cá nhân, UBND tỉnh đã ủy quyền cho UBND thành phố quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án BT, HT và tái định cư theo Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 là đúng quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. UBND thành phố T ban hành Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

- Về trình tự, thủ tục ban hành: Ngày 05/8/2016, UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. Sau đó, trong các ngày 26/8/2016 và 31/8/2016, UBND thành phố T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã ban hành thông báo về việc thu hồi đất, phối hợp với UBND xã V để gửi đến người có đất bị thu hồi, đồng thời niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT, GPMB, tiếp nhận ý kiến và giải đáp thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án BT, HT, GPMB; tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND Thành phố thẩm định.

Ngày 01/12/2016 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 13576/QĐ-UBND về việc thu hồi 1267,1 m<sup>2</sup> đất (loại đất: LUC) của hộ gia đình ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị M thuộc thửa đất số 598, 559 tờ bản đồ địa chính số 01, thuộc địa giới hành chính xã V, thành phố T. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn H không khiếu nại gì đối với Quyết định thu hồi đất.

Cùng ngày 01/12/2016, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB để thực hiện dự án. Sau khi phương án BT, HT, GPMB được UBND thành phố T phê duyệt, Trung

tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án, công khai mức BT, HT; đồng thời thông báo Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án BT, HT tới các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi. Như vậy, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB là đúng theo quy định tại Điều 69 Luật đất đai 2013.

**[2.2.2] Về hình thức và nội dung:**

- Về hình thức: theo điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013, UBND cấp có thẩm quyền ra “quyết định thu hồi đất” và “quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”. Quyết định số 13577/QĐ-UBND được soạn thảo đúng thể thức, Chủ tịch thay mặt UBND thành phố ký và đóng dấu và được Phó chủ tịch UBND thành phố T ký thay, kèm theo phương án chi tiết. Do đó, Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB do UBND thành phố T ban hành là đúng hình thức của văn bản.

- Về nội dung:

Theo phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng kèm theo Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 hộ ông Nguyễn Văn H ở số thứ tự 01, diện tích ruộng của gia đình ông H bị thu hồi tại thửa 598 là 1.168,1m<sup>2</sup>, thửa 559 là 99,0m<sup>2</sup>, tổng là 1.267,1m<sup>2</sup>. Diện tích ruộng của gia đình ông H được bồi thường tại thửa 598 là 1.168,0m<sup>2</sup>, thửa 559 là 99,0m<sup>2</sup>, tổng là 1.267,0m<sup>2</sup>. Gia đình ông H được bồi thường tổng số tiền là 269.371.400, gồm:

- Bồi thường về đất: 53.214.000 đồng (đơn giá đất trồng cây hàng năm 42.000đ/m<sup>2</sup>, hệ số 0,1), phù hợp quy định tại Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 và Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh T ban hành kèm theo Quyết định 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh T; Quyết định 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh T về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T năm 2016.

- Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: 79.821.000 đồng, phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83, Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; Điều 85 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh T Ban hành quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh T; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 24.840.000 đồng, phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; khoản 7 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 14 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh T.

- Hỗ trợ khác theo công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh T: 106.428.000 đồng.

- Bồi thường hỗ trợ tài sản xây dựng, cây cối hoa màu: 5.068.400 đồng, phù hợp công văn 3619/UBND-NNTNMT ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh T về việc hỗ trợ khác để giải phóng mặt bằng, phù hợp quy định tại Điều 90 Luật Đất đai năm 2013.

Thực hiện các Quyết định phê duyệt phương án BT, HT, GPMB của UBND thành phố T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã V tổ chức thực hiện việc chi trả tiền BT, HT, GPMB cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng phương án đã được UBND thành phố phê duyệt. Theo đó, Ông Nguyễn Văn H đã ký nhận đủ số tiền bồi thường 269.371.400 đồng. Như vậy, trong Quyết định số 13577/QĐ-UBND, UBND thành phố T đã đảm bảo chính sách BT, HT khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông H theo đúng quy định tại các Điều 74, 75, 77, 83, 84, 90 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về BT, HT, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và các Quyết định, công văn của UBND tỉnh T như đã phân tích nêu trên.

Đối với việc người khởi kiện cho rằng trường hợp này người khởi kiện được quyền thỏa thuận giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chủ đầu tư dự án là không có căn cứ, vì: Dự án khu dân cư mới xã V là dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố T thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu T (Quyết định số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh T chấp thuận đầu tư dự án Khu dân cư mới xã V). Đây không thuộc trường hợp chủ đầu tư dự án nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thỏa thuận về giá chuyển nhượng với người có đất thu hồi theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 như trình bày của người khởi kiện. Người khởi kiện còn cho rằng việc bồi thường về đất giữa các hộ gia đình có đất thu hồi trong cùng dự án là khác nhau, không đảm bảo công bằng, nhưng ông H không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Các tài liệu người bị kiện giao nộp thể hiện tất cả các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức mà Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách BT, HT; không có tài liệu nào thể hiện việc UBND thành phố T áp giá bồi thường cao hơn cho một số hộ gia đình khác như người khởi kiện trình bày. Việc BT, HT đã đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013.

Như vậy, nội dung của Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB đúng với quy định của pháp luật.

### ***[2.2.3] Về thời hạn:***

Trong các ngày 26/8/2016 và 31/8/2016, UBND thành phố T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã ban hành thông báo về việc thu hồi đất, phối hợp với UBND xã V để gửi đến người có đất bị thu hồi và niêm yết công khai dự thảo phương án BT, HT, GPMB, tiếp nhận ý kiến và giải đáp thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án BT, HT, GPMB; tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND Thành phố thẩm định. Cùng ngày 01/12/2016, UBND thành phố T đã ban hành quyết định số 13554/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 13577/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB là đúng quy định tại khoản 1 Điều 67 và điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013.

**[2.2] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố T:**

***[2.2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:***

Để giải quyết khiếu nại của hộ ông H do bà Hoàng Thị T và một số công dân xã V đại diện; Chủ tịch UBND thành phố T đã thụ lý khiếu nại, quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung khiếu nại, thu thập các tài liệu liên quan, tiến hành đối thoại với người đại diện của ông H. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần đầu) quy định tại Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

***[2.2.2] Về hình thức và nội dung:***

- Về hình thức: Quyết định số 3272/QĐ-UBND đã tuân thủ thể thức theo Mẫu số 15-KN. *Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu* ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ban hành ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ.

- Về nội dung: Quyết định số 3272/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của người khiếu nại (trong đó có hộ gia đình ông H) là hợp pháp và có căn cứ như đã phân tích tại mục [2.1].

***[2.2.3] Về thời hạn:***

Quá trình giải quyết khiếu nại còn vi phạm về thời hạn giải quyết quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện nên không phải là căn cứ để hủy Quyết định số 3272.

**[2.3] Xét tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh T:**

***[2.3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:***

Chủ tịch UBND tỉnh T đã thụ lý khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Văn H, đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T tiến hành xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh T đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 21, 36, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP

ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

**[2.3.2] Về hình thức và nội dung:**

- Về hình thức: Quyết định số 520/QĐ-UBND đã tuân thủ thể thức theo Mẫu số 16-KN. *Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai* ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ban hành ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ.

- Về nội dung: Quyết định số 520/QĐ-UBND đã công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) tại quyết định số 3272/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố T là hợp pháp và có căn cứ.

**[2.2.3] Về thời hạn:**

Ngày 21/10/2020 các hộ dân đã khiếu nại đối với Quyết định 3272/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh T ra Quyết định số 520/QĐ-UBND v/v giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P, thôn P, xã V, thành phố T v/v giải quyết khiếu nại lần đầu, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T.

Như vậy, quá trình giải quyết khiếu nại (lần hai) còn vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện nên không phải là căn cứ để hủy Quyết định số 520.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 1/12/2016 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án BT, HT, GPMB là hợp pháp, có căn cứ, do đó, quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định số 520/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh T là hợp pháp, có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy 13577/QĐ-UBND ngày 1/12/2016 của ông Nguyễn Văn H là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới; vì vậy, cần chấp nhận đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

**[3]. Về án phí:** ông H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông H.

**[4].** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

**Xử:**

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên toàn bộ quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 181/2022/HC-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

[2]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Án phí: miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn H.  
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tuyển**

**Đặng Thị Thơm**

**Nguyễn Mạnh Tiến**



***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Tiến**